

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM ĐẢO
TỈNH VINH PHÚC

Bản án số: 66/2024/HS-ST
Ngày 13 tháng 8 năm 2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VINH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Màu Văn Mùi

Các Hội thẩm Nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thỏa và ông Lê Kim Trọng

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Đảo

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Phương - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2024/HS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 64/2024/HSST- QĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Trần Quang H, sinh ngày 17/4/1997; nơi cư trú: Tổ dân phố S, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; văn hóa: 9/12; Đảng, Đoàn thể: Không; con ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị T; vợ, con: Chưa có; quá trình hoạt động: Không; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/4/2024 đến nay (có mặt).

2. Bùi Văn Đ, sinh ngày 12/7/1995; nơi cư trú: Tổ dân phố S, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; văn hóa: 8/12; Đảng, Đoàn thể: Không; con ông Bùi Văn H1 và bà Nguyễn Thị T1; có vợ là Nguyễn Thị D và có 02 con; quá trình hoạt động: Không; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án số: 31/2014/HSST ngày 24/6/2014, Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo xử phạt Đ 06 tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản” và 03 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, Đ phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 09 tháng tù (đã chấp hành xong); bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/4/2024 đến nay (có mặt).

3. Nguyễn Văn T2, sinh ngày 08/11/2003; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; văn hóa: 12/12; Đảng, Đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Văn T3 và bà Lương Thị L; vợ, con: Chưa có; quá trình hoạt động: Không; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/4/2024 đến nay (có mặt).

4. Nguyễn Tùng D1, sinh ngày 31/5/2005; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; văn hóa: 12/12; Đảng, đoàn thể:

Không; con ông Nguyễn Văn H2 và bà Lã Thị S; vợ, con: Chưa có; quá trình hoạt động: Không; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/4/2024 đến nay (có mặt).

5. Bùi Lưu Phương N, sinh ngày 09/10/2001; nơi cư trú: Tổ dân phố E, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; văn hóa: 12/12; Đảng, Đoàn thể: Không; con ông Bùi Văn N1 và bà Lưu Thị Y; vợ, con: Chưa có; quá trình hoạt động: Không; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/4/2024 đến nay (có mặt).

Bị hại: Anh Lê Minh N2, sinh năm 1995; nơi cư trú: TDP A, phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt).

Người làm chứng: Anh Lê Hữu N3, sinh năm 2001; nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Buổi chiều ngày 29/3/2024, Trần Quang H đi chơi qua khu vực tổ dân phố N, thị trấn H, huyện T thì thấy cơ sở kinh doanh của Công ty TNHH K do anh Lê Minh N2 làm quản lý đang giới thiệu sản phẩm là các mặt hàng nước giặt, bột canh, mỳ chính... cho quần chúng nhân dân trên địa bàn thị trấn H. H cho rằng Công ty TNHH K kinh doanh hàng đa cấp, sợ bị quay video hoạt động kinh doanh tung lên mạng xã hội nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của cơ sở kinh doanh do anh Minh N2 quản lý bằng hình thức quay video hoạt động kinh doanh của cơ sở này và phát trực tiếp lên mạng xã hội Facebook để gây sức ép, buộc anh Lê Minh N2 phải đưa tiền cho H. Khoảng 14 giờ ngày 30/3/2024, H đang ở Quán K1 thấy Nguyễn Tùng D1 là nhân viên của Q karaoke Song L1 điều khiển xe máy BKS 88E1-173.45 đi giặt quần áo nên H nhờ D1 chở đến cơ sở kinh doanh của Công ty TNHH K ở tổ dân phố N, thị trấn H, huyện T. Đến nơi, D1 bỏ đi còn H đi vào bên trong cơ sở kinh doanh của Công ty TNHH K rồi sử dụng điện thoại cá nhân quay video nói cửa hàng bán hàng đa cấp lừa bà con thì anh M1 N2 đi đến nhắc nhở H không được quay video trong hội trường nhưng H không nghe nên anh Minh N2 đuổi H ra ngoài. Khi đi ra ngoài, H gọi điện cho D1 bảo D1 cùng Nguyễn Văn T2 và Bùi Lưu Phương N đều là nhân viên của quán K1 đi ra quán bún ở cạnh cây xăng có việc, D1 đồng ý rồi bảo T2 và N cùng đi. Khoảng 10 phút sau, D1, T2, Phương N đi taxi đến thì H bảo T2, D1 và Phương N đi vào bên trong cơ sở kinh doanh sử dụng điện thoại phát trực tiếp trên facebook và nói cơ sở của anh Minh N2 kinh doanh bán hàng đa cấp, lừa đảo bà con. T2, D1 và Phương N đều hiểu ý H, làm vậy để quấy rối, gây áp lực, buộc anh Minh N2 phải đưa tiền cho nhóm của H nên T2, D1, Phương N đi vào trong cơ sở kinh doanh thấy có người đang dẫn chương trình quảng cáo về một số mặt hàng như nước giặt, bột giặt... T2 liền lấy điện thoại Iphone 7 quay video phát trực tiếp trên facebook của T2 có tên “Nguyễn Văn T2”, vừa phát T2 và D1 vừa vén áo để lộ nhiều hình xăm để thị uy. Lúc này, anh Minh N2 đến nói với H “Chỗ này là chỗ làm ăn của bọn anh, em bảo anh em ra bên ngoài ngồi

uống nước, anh sẽ bảo nhân viên ra nói chuyện với em sau”, H đồng ý. T2 phát trực tiếp được khoảng 10 phút thì dừng lại rồi T2, D1, Phương N đi ra ngoài. Lúc này, anh Minh N2 bảo anh Lê Hữu N3 là nhân viên của anh Minh N2 ra xe ô tô của anh M1 Nam lấy 2.000.000đ đút vào phong bì đưa cho H, H mở ra xem thấy có 10 tờ polime mệnh giá 200.000đ, thấy ít tiền nên H không cầm mà trả lại anh Hữu N3 rồi H tiếp tục bảo T2, D1 và Phương N đi vào bên trong cửa hàng quay video phát trực tiếp thì T2, D1 và Phương N lại đi vào bên trong cơ sở kinh doanh, T2 sử dụng điện thoại quay video phát trực tiếp được khoảng 5 phút thì dừng lại. Lúc này, Đ gọi điện cho H hỏi “Bọn mày đi đâu”, H nói “Bọn em đang ở gần cây xăng đường D” nên Đ đi xe máy BKS 88E1 - 173.45 đến gặp H, Phương N, T2 và D1. Tại đây, H nói với Đ “Bọn này bán hàng đa cấp, anh em mình đến đây vậy nó để kiểm ít tiền uống nước”, Đ đồng ý. Một lúc sau, anh Minh N2 đi ra nói chuyện với Đ, Đ nói “Bọn anh toàn bán hàng lừa đảo bà con” và “đến đây làm thì cho anh em một tí, tất cả khu vực này đều là đất của anh em, đội em toàn đi thu hình thức như thế này lâu rồi. Bây giờ là 20 triệu một tháng, bọn anh làm ăn thoải mái, có vấn đề gì thì gọi cho H” đồng thời Đ yêu cầu anh Minh N2 phải đưa tiền ngay nếu không đưa sẽ không cho ai ra khỏi cơ sở kinh doanh. Do bị Đ cùng đồng bọn đe dọa, uy hiếp tinh thần, anh Minh N2 sợ ảnh hưởng đến hoạt động của cơ sở kinh doanh do mình quản lý nên đã bảo anh Hữu N3 ra xe ô tô của mình lấy 20.000.000đ là tiền của cá nhân anh Minh N2 đưa cho H. Sau khi chiếm đoạt được số tiền trên H, Đ, Phương N, T2 và D1 bỏ đi. Số tiền trên, H chia cho Đ 5.000.000đ, N, T2 và D1 mỗi người 1.000.000đ còn lại 12.000.000đ, H tiêu sài cá nhân hết (Bút lục 216 – 363A).

Ngày 31/3/2024, anh Lê Minh N2 có đơn trình báo Công an huyện T về việc bị Trần Quang H cùng đồng bọn uy hiếp, đe dọa và chiếm đoạt của anh số tiền 20.000.000đ.

Ngày 01/4/2024, Bùi Văn Đ tự nguyện bồi thường cho anh Lê Minh N2 số tiền 20.000.000đ, cùng ngày, anh Minh N2 đã giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 20.000.000đ. Quá trình điều tra, Trần Quang H giao nộp cho C quan điều tra 01 xe mô tô BKS 88E1-173.45.

Chiếc xe máy BKS 88E1 - 173.45, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của anh Trần Văn H3 là anh họ của H. Ngày 30/3/2024, anh H3 cho H mượn chiếc xe trên để đi lại, anh H3 không biết H cùng đồng bọn sử dụng xe máy trên vào việc phạm tội nên C1 qua điều tra đã trả lại anh H3 chiếc xe máy.

Chiếc điện thoại Iphone 7, T2 sử dụng vào việc phạm tội, quá trình điều tra, T2 khai mượn chiếc điện trên của một người bạn xã hội tên H (T2 không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể của H) để sử dụng. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, đến buổi tối ngày 30/3/2024, T2 đã trả lại H chiếc điện thoại trên. Đối với 02 đoạn video T2 phát trực tiếp trên trang Facebook của T2, T2 khai do có ít người xem nên T2 đã xóa ngay sau đó nên Cơ quan điều tra không thu giữ được. Đối với người tên H cho T2 mượn điện thoại do T2 không biết tên, tuổi địa chỉ của H nên Cơ quan điều tra không có căn cứ điều tra, xác minh trong vụ án này.

Chiếc điện thoại Iphone 7 Plus màu đen của H sử dụng phạm tội, quá trình điều tra H khai sau khi sự việc xảy ra, H đã bán cho một người đàn ông lạ mặt nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Sau khi sự việc xảy ra, Bùi Văn Đ tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho anh Lê Minh N2 20.000.000đ là tiền Đ cùng Trần Quang H, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Tùng D1 và Bùi Lưu Phương N đã chiếm đoạt của anh Minh N2. Sau đó, anh Minh N2 đã tự nguyện giao nộp số tiền trên cho Cơ quan điều tra. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại anh M1 Nam 20.000.000đ, anh Minh N2 đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu, đề nghị khác về dân sự đồng thời có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho tất cả các bị cáo. Đối với số tiền Đ bồi thường cho anh Lê Minh N2, Đ không yêu cầu H, T2, D1 và Phương N phải trả lại cho Đ.

Tại Cáo trạng số: 63/CT-VKSTĐ ngày 24/7/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố các bị cáo Trần Quang H, Bùi Văn Đ, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Tùng D1 và Bùi Lưu Phương N về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Trần Quang H, Bùi Văn Đ, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Tùng D1 và Bùi Lưu Phương N phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo Trần Quang H từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 01/4/2024).

Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo Bùi Văn Đ từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 01/4/2024).

Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 92 Luật thi hành án hình sự: Phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng; Nguyễn Tùng D1, Bùi Lưu Phương N từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 06 tháng đến 03 năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 13/8/2024).

Bị cáo không bào chữa, tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về

hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Trần Quang H, Bùi Văn Đ, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Tùng D1 và Bùi Lưu Phương N tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người bị hại, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 30/3/2024, bị cáo Trần Quang H đi đến cơ sở kinh doanh của Công ty TNHH K ở tổ dân phố N, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc do anh Lê Minh N2 làm chủ. Tại đây, thấy có nhiều người dân đến xem sản phẩm của Công ty nên H dùng điện thoại cá nhân quay video nói cửa hàng bán hàng đa cấp lừa bà con rồi phát trên mạng xã hội Facebook mục đích để gây sức ép, buộc anh Lê Minh N2 phải đưa tiền cho bị cáo nhưng H bị anh Lê Minh N2 đuổi ra ngoài nên H gọi điện rủ Nguyễn Văn T2, Nguyễn Tùng D2 và Bùi Lưu Phương N đến rồi bảo T2, Phương N và D2 đi vào bên trong cửa hàng để tiếp tục gây sức ép. Sau đó, T2, Phương N, D2 đi vào bên trong cửa hàng, T2 quay video phát trực tiếp trên trang Facebook của T2 còn N, Dương vén áo để lộ nhiều hình xăm. Do bị các đối tượng uy hiếp, đe dọa, sợ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh nên anh Minh N2 bảo anh Lê Hữu N3 đi lấy 2.000.000đ của mình đưa cho H, do thấy ít tiền nên H không nhận rồi tiếp tục bảo T2, Phương N và D2 đi vào bên trong cửa hàng quay video phát trực tiếp. Lúc này, Bùi Văn Đ gọi điện cho H thì H bảo Đ đến chỗ H, khi Đ đến, H nói với Đ “Bọn này bán hàng đa cấp, anh em mình đến đây vậy nó kiếm ít tiền uống nước”, Đ đồng ý. Sau đó, Đ nói với anh Minh N2 “đến đây làm thì cho anh em một tí, tất cả khu vực này đều là đất của anh em, đội em toàn đi thu hình thức như thế này lâu rồi. Bây giờ là 20 triệu một tháng, bọn anh làm ăn thoải mái, có vấn đề gì thì gọi cho H” và yêu cầu anh Minh N2 phải đưa tiền ngay. Do bị Đ cùng đồng bọn đe dọa, uy hiếp tinh thần, sợ ảnh hưởng đến hoạt động của cơ sở kinh doanh nên anh M1 N2 bảo anh Hữu N3 lấy 20.000.000đ của cá nhân anh Minh N2 đưa cho H. Số tiền trên, H chia cho Đ 5.000.000đ, N2, T2, D2 mỗi người 1.000.000đ. Số tiền còn lại 12.000.000đ H tiêu sài cá nhân hết.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Trần Quang H, Bùi Văn Đ, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Tùng D1 và Bùi Lưu Phương N đã phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự. Nội dung điều luật qui định:

“1. Người nào ... có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự, có mức cao nhất của khung hình phạt đến 05 năm tù nên theo quy định tại điểm b khoản 1

Điều 9 của Bộ luật Hình sự thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm nghiêm trọng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo để răn đe, phòng ngừa chung.

Trong quá trình thực hiện tội phạm các bị cáo không có bàn bạc, câu kết chặt chẽ, việc thực hiện tội phạm là do bột phát, do đó đây là đồng phạm giảm đơn, được áp dụng nguyên tắc xử lý đối với đồng phạm theo qui định tại Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xét vai trò các bị cáo trong vụ án này: Bị cáo H là người trực tiếp khởi xướng và kích động các bị cáo khác phạm tội, đồng thời trực tiếp thực hiện tội phạm tích cực nên bị cáo H phải chịu trách nhiệm chính của vụ án. Các bị cáo còn lại là những đồng phạm đã trực tiếp thực hiện tội phạm hoặc giúp sức cho việc thực hiện tội phạm. Do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội mà mình đã gây ra.

Xét nhân thân các bị cáo thấy rằng bị cáo Đ là người có nhân xấu. Bị cáo Đ năm 2014 bị Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo xử phạt 06 tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản” và 03 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Còn các bị cáo Trần Quang H, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Tùng D1 và Bùi Lưu Phương N đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Xét các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng. Quá trình điều tra, tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn và tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi xảy ra sự việc các bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Sau khi nhận lại tài sản bị chiếm đoạt bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, ngoài ra bị cáo Đ ra đầu thú tại tại Cơ quan điều tra nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Vì vậy, Hội đồng xét xử đề xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, xét vai trò, nhân thân các bị cáo thấy cần cách ly bị cáo H, Đ ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Đối với bị cáo Nguyễn Văn T2, Nguyễn Tùng D1 và Bùi Lưu Phương N có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử xem xét xử các bị cáo hình phạt tù, cho các bị cáo được án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình, xã hội. Đây là cơ hội để các bị cáo sửa chữa lỗi lầm của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 170 Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên xét thấy các bị cáo có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo Bùi Văn Đ đã thay mặt cho các bị cáo, tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho anh Lê Minh N2 20.000.000đ. Quá trình điều tra, anh Minh N2 đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu, đề nghị khác về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chiếc xe máy BKS 88E1 - 173.45 là tài sản hợp pháp của anh Trần Văn H3 (anh họ của bị H). Ngày 30/3/2024, anh H3 cho bị cáo H mượn chiếc xe trên để đi lại, anh H3 không biết H cùng đồng bọn sử dụng xe máy trên vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe máy trên cho anh H3 là có căn cứ.

Đối với chiếc điện thoại Iphone 7, bị cáo T2 sử dụng vào việc phạm tội là chiếc điện thoại bị cáo T2 mượn chiếc điện trên của một người bạn xã hội tên H (T2 không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể của H) để sử dụng. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, đến buổi tối ngày 30/3/2024, T2 đã trả lại H chiếc điện thoại trên. Đối với 02 đoạn video T2 phát trực tiếp trên trang Facebook của T2, T2 khai do có ít người xem nên T2 đã xóa ngay sau đó nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với người tên H cho T2 mượn điện thoại do T2 không biết tên, tuổi địa chỉ của H nên Cơ quan điều tra không có căn cứ điều tra, xác minh trong vụ án này.

Đối với chiếc điện thoại Iphone 7 Plus màu đen của bị cáo H sử dụng phạm tội. Bị cáo H khai sau khi sự việc xảy ra, H đã bán cho một người đàn ông lạ mặt nên Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không đề cập xử lý là phù hợp.

[6] Về các vấn đề khác: Các Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Tuyên bố các bị cáo Trần Quang H, Bùi Văn Đ, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Tùng D1 và Bùi Lưu Phương N phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo Trần Quang H 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 01/4/2024).

Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo Bùi Văn Đ 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 05/4/2024).

Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 92 Luật thi hành án hình sự: Phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án

treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 13/8/2024).

Phạt bị cáo Nguyễn Tùng D1 01 (một) năm 05 (năm) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 10 (mười) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 13/8/2024).

Phạt bị cáo Bùi Lưu Phương N 01 (một) năm 05 (năm) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 10 (mười) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 13/8/2024).

Giao bị cáo Nguyễn Văn T2 và bị cáo Nguyễn Tùng D1 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Giao bị cáo Bùi Lưu Phương N cho Ủy ban nhân dân phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của Bản án cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Các bị cáo Trần Quang H, Bùi Văn Đ, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Tùng D1 và Bùi Lưu Phương N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Tam Đảo;
- Công an huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- UBND xã Tiến Bộ, Yên Sơn, Tuyên Quang;
- UBND phường Nghĩa Thành, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Màu Văn Mùi